

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình

2/ Ông Nguyễn Đình Ba

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11/02/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1994. Nơi cư trú: số 55 đường số 8, thôn 1, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số 55 đường số 8, thôn 1, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Trần Quốc Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2012 theo đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn, lại hay rượu chè, cờ bạc. Chị H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Do đó mà cuộc sống gia đình luôn ngột ngạt. Từ tháng 02/2020 đến nay, chị H đã dọn về nhà cha mẹ ruột sống. Nay chị H xác định hôn nhân giữa chị và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, giữa hai bên không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên chị kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung tên Trần Mỹ T1, sinh ngày 12/4/2012 và Trần Mỹ P, sinh ngày 20/4/2019. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị H xin rút yêu cầu tranh chấp về quyền nuôi con để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Quốc Đ khai thống nhất như trình bày của chị H về thời gian kết hôn, con chung, thời gian sống chung, mâu thuẫn gia đình, anh Đ thừa nhận nguyên nhân dẫn đến vợ chồng xung đột là do anh nhưng anh Đ không mong muốn vợ chồng phải ly hôn để ảnh hưởng đến cuộc sống của 02 con. Anh Đ mong muốn vợ chồng trước mắt nên sống ly thân 01 thời gian để tự suy nghĩ về tình cảm vợ chồng, gia đình rồi hãy quyết định. Nhưng nếu chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án; Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ hơn 02 tháng nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp và đúng pháp luật. Tại phiên tòa, chị H rút yêu cầu tranh chấp quyền nuôi con nên không xem xét giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị H và anh Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của anh chị và giấy khai sinh đã cấp cho người được khai sinh tên Trần Mỹ T1 và Trần Mỹ P thì có đủ cơ sở xác định, 02 cháu là con chung của chị H và anh Đ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy, từ năm 2018 đến nay hôn nhân giữa chị H và anh Đ không còn hạnh phúc, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, không chịu khó làm ăn nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ trên 02 tháng nay nhưng cả hai vẫn không tìm cách hàn gắn tình cảm. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị H cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Tuy anh Đ không đồng ý nhưng có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã thật sự rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Tại phiên tòa, chị H rút yêu cầu tranh chấp quyền nuôi con nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì chị H là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Bùi Thị H ly hôn Trần Quốc Đ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về quyền nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003366 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (06/5/2020), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Phước Hiệu

Trần Phước Hiệu

